

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG NĂM CĂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 40/CNC-PTH

Năm Căn, ngày 08 tháng 10 năm 2025

V/v kê khai giá dịch vụ cung cấp tại
cảng biển

Kính gửi: Cảng vụ hàng hải Kiên Giang

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty cổ phần Cảng Năm Căn gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ cung cấp tại cảng biển (kèm theo bảng kê khai mức giá dịch vụ).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 08/10/2025.

Công ty cổ phần Cảng Năm Căn xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.PTH

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**


Ngô Quốc Nam

- Họ và tên người nộp văn bản: Nguyễn Thị Bích Ngân
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: khóm Hàng Vịnh, xã Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
- Số điện thoại liên lạc: 0943.614435
- Email: namcanport@gmail.com

GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

CẢNG VỤ HÀNG HẢI KIÊN GIANG	
SỐ:	2243
ĐẾN	Ngày: 15/10/2025
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG NĂM CĂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Năm Căn, ngày 08 tháng 10 năm 2025

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số: 40/CNC – PTH ngày 08/10/2025 của Công ty cổ phần Cảng Năm Căn)

1. Mức giá kê khai:

T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kề trước (số 38/CNC-PTH ngày 07/10/2024)		Giá kê khai kỳ này			Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/gi ảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giả m (%) so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
				Giá chưa VAT	Giá có VAT (%)	Giá chưa VAT	Giá có VAT (8%)	Giá có VAT (10%)				
I	Đối với tàu thuyền											
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến	Đồng/GT/giờ		15		15	16.2					
2	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm	Đồng/GT/giờ		15		15	16.2					
3	Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu, phao neo	Đồng/GT/giờ		7.5		7.5	8.1					
4	Tàu thuyền chở khách thông qua cầu, bến, phao neo từ 04/chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ 4 trở đi áp dụng mức											



-	Neo đậu tại cầu, bến	Đồng/GT/giờ		7.5		7.5	8.1					
5	Bảng giá buộc, mở dây đối với tàu biển và phương tiện thủy nội địa:											
-	Trọng tải dưới 1.000 GT	Đồng/ lượt				150.000	162.000					
-	Từ 1.000 GT đến dưới 4.000 GT	Đồng/ lượt				250.000	270.000					
-	Từ 4.000 GT đến dưới 8.000 GT	Đồng/ lượt				350.000	378.000					
-	Từ 8.000 GT đến dưới 10.000 GT	Đồng/ lượt				450.000	486.000					
-	Trên 10.000 GT	Đồng/ lượt				650.000	702.000					
II	Giá dịch vụ xếp dỡ											
	Đối với Phương thức tàu↔ô tô:											
1	Hàng xá											
a	Cát, đất, đá xây dựng	Đồng/tấn		17.000		17.000	18.360					
b	Than cám, cliker, thạch cao	Đồng/tấn		36.000		36.000	38.880					
c	Đá hộc, than cục, gỗ dăm, phân bón	Đồng/tấn		50.000		50.000	54.000					
2	Hàng bao, túi											

a	Nhóm 2a	Đồng/tấn		50.000		50.000	54.000					
b	Nhóm 2b	Đồng/tấn		54.000		54.000	58.320					
c	Nhóm 2c	Đồng/tấn		40.000		40.000	43.200					
d	Nhóm 2 d	Đồng/tấn		60.000		60.000	64.800					
3	Hàng thanh, cọc, bó											
a	Tôn cuộn, thép tấm, ống nước	Đồng/tấn		80.000		80.000	86.400					
b	Thép tròn (bó, cuộn), phôi thép, kim khí	Đồng/tấn		70.000		70.000	75.600					
c	Cọc bê tông, gỗ lóng, gỗ tràm	Đồng/tấn		80.000		80.000	86.400					
a	Gỗ dăm đóng thùng	Đồng/tấn		50.000		50.000	54.000					
b	Gạch men (nguyên pallet)	Đồng/tấn		64.000		64.000	69.120					
c	Máy móc thiết bị, hàng thùng, kiện, nhót phụ	Đồng/tấn		80.000		80.000	86.400					
4	Máy móc thiết bị, hàng thùng, kiện, patel											
a	Gỗ dăm đóng thùng	Đồng/tấn		50.000		50.000	54.000					

b	Gạch men (nguyên pallet)	Đồng/tấn		64.000		64.000	69.120					
c	Máy móc thiết bị, hàng thùng, kiện, nhớt phuy	Đồng/tấn		80.000		80.000	86.400					
5	Hàng không quy cách											
a	Hàng bách hóa, thủ công mỹ nghệ, gốm sứ	Đồng/tấn		75.000		75.000	81.000					
b	Hàng công kênh	Đồng/tấn		110.000		110.000	118.800					
6	Hàng quá khổ											
a	Siêu trường	Đồng/tấn		Thỏa thuận		Thỏa thuận						
b	Siêu trọng	Đồng/tấn		Thỏa thuận		Thỏa thuận						
7	Đơn giá cân điện tử	Đồng/tấn		3.000		3.000	3.240					
8	Giao nhận, kiểm đếm											
-	Hàng rời	Đồng/tấn		3.000		3.000	3.240					
-	Hàng bao, kim khí	Đồng/tấn		4.000		4.000	4.320					
-	Hàng bách hóa, máy móc thiết bị	Đồng/tấn		5.000		5.000	5.400					

9	Giá cung cấp các dịch vụ Cảng (Cung cấp nước ngọt, dịch vụ chiếu sáng, phí thu gom rác)											
a	Nước ngọt tại cầu tàu	Đồng/m ³				30.000	32.400					
b	Cung cấp dịch vụ chiếu sáng	Đồng/1kWh				10.000	10.800					
c	Phí thu gom rác sinh hoạt cho tàu thủy, phương tiện vận chuyển hàng hóa neo đậu tại cầu cảng:											
-	Dưới 1.000 GT	Đồng/ lần				150.000	162.000					
-	Từ 1.000 GT đến dưới 4.000 GT	Đồng/ lần				250.000	270.000					

2. Phân tích nguyên nhân, điều chỉnh giá giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liền kề trước:

- Việc kê khai giá dịch vụ tại Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn trong kỳ này được thực hiện nhằm cập nhật, rà soát và điều chỉnh mức giá dịch vụ phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam.
- Cụ thể, Công ty căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ; Thông tư số 31/2024/TT-BGTVT ngày 30/10/2024 của Bộ Giao thông vận tải và Quyết định số 809/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ Giao thông vận tải để rà soát, cập nhật và thực hiện kê khai lại mức giá đối với các dịch vụ thuộc phạm vi áp dụng theo quy định.
- Việc kê khai giá kỳ này chủ yếu xuất phát từ yêu cầu cập nhật và tuân thủ các quy định pháp luật, không phải do biến động bất thường về chi phí sản xuất, kinh doanh. Các mức giá được rà soát, xây dựng phù hợp với khung giá và cơ chế quản lý giá hiện hành, đồng thời bảo đảm tính công khai, minh bạch và phù hợp với điều kiện thực tế khai thác tại Cảng Năm Căn.

C.T.C.P

Như vậy, việc kê khai giá kỳ này nhằm bảo đảm tính thống nhất, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, làm cơ sở để Công ty tổ chức thực hiện, công bố và áp dụng giá dịch vụ tại cảng theo đúng quy định.

3. Ghi rõ mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá:

- Các mức giá dịch vụ do Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn kê khai, bao gồm dịch vụ neo đậu tàu thuyền, bốc xếp hàng hóa, cân hàng, kiểm đếm, giao nhận hàng hóa và các dịch vụ cảng khác thuộc diện áp dụng, **đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT) với mức thuế suất 8%** theo quy định pháp luật hiện hành.

Ghi chú:

- Giá kê khai là mức giá ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) và bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp kê khai giá lần đầu không bao gồm thông tin về mức giá kê khai kỳ trước, mức tăng giảm, tỷ lệ tăng giảm và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai giá.
- Trường hợp tại kỳ kê khai, tổ chức kinh doanh dịch vụ định giá hoặc điều chỉnh nhiều mức giá khác nhau cho nhiều đối tượng khách hàng thì kê khai tất cả các mức giá áp dụng.
- Áp dụng theo Quyết định số 28/QĐ-CNC ngày 01/10/2024 của Công ty cổ phần Cảng Năm Căn.